

Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ mức vốn vay tín dụng ưu đãi để thực hiện các Chương trình
kiến cổ hoá kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn,
trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nuôi trồng
thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn năm 2013 theo
Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 1589/TTg-KTTH ngày 03/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng vốn tín dụng ưu đãi cho Chương trình kiến cổ hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn từ năm 2013 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về giải pháp tài chính tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường năm 2013;

Căn cứ đề nghị tại văn bản số

.....
.....
.....
.....;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ mức vốn tín dụng ưu đãi để thực hiện Chương trình kiến cổ hoá kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn năm 2013 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ cho tỉnh (thành phố)..... làtriệu đồng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chỉ đạo các Sở có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện phân bổ, quản lý, sử dụng khoản vốn tín dụng trên theo danh mục dự án đã đăng ký và đúng mục tiêu tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ, văn bản số

475/TTg-KTTH ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và chế độ quy định; chủ động sử dụng ngân sách địa phương, huy động đóng góp của nhân dân và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo đúng quy định tại Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg ngày 13/6/2000, Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 156/2009/TT-BTC ngày 03/8/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn để tổ chức thực hiện; bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển trong nước của ngân sách địa phương (bao gồm cả nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất) để hoàn trả theo đúng hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Trường hợp đến ngày 15/7/2013, địa phương chưa ký hợp đồng vay vốn tín dụng với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bộ Tài chính sẽ điều chuyển vốn vay cho các địa phương khác.

Khi đến hạn trả nợ vốn vay năm trước, nếu địa phương chưa hoàn trả vốn vay, chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tạm thời chưa thực hiện cho vay tiếp cho đến khi địa phương hoàn trả theo hợp đồng ký kết.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Chi nhánh NHPT.....;
- Sở Tài chính tỉnh (thành phố)
- Lưu: VT, Vụ NSNN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Công Nghiệp

PHỤ LỤC SỐ 1

PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HOÀ KINH MƯƠNG, PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN, CƠ SỞ HẠ TẦNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG LÀNG NGHỀ Ở NÔNG THÔN NĂM 2013 THEO NGHỊ QUYẾT 02/NQ-CP

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	Số vốn phân bổ đợt 1/2013	Trong đó		Số lượng văn bản địa phương đã nghị	Văn bản đề nghị của địa phương sẽ ghi vào Quyết định	Ghi chú	Số vốn đề nghị của địa phương	Phân bổ vốn theo Nghị quyết 02
			Theo QĐ 48/QĐ-BTC	Phân bổ từ số dự phòng					
1	2	3	4	5		6	7	8	9
A	TỔNG SỐ	5.000.000	4.390.000	910.000	162			34.531.967	9.375.000
1	MIỀN NÚI PHÍA BẮC	1.430.000	1.290.000	140.000	43			6.734.970	2.440.000
1	HA GIANG	140.000	120.000	20.000	3			425.000	210.000
						VB 01/TT-UBND ngày 04/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	300.000	
						VB 188/UBND-KTTH ngày 18/01/2013 của UBND tỉnh	Bổ sung TT 01, đã phân bổ dự phòng 30 tỷ đồng	350.000	
						VB 963/UBND-KTTH ngày 15/4/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	15.000	
2	TUYÊN QUANG	120.000	80.000	40.000	2			279.970	100.000
						VB 137/UBND-GT ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị phân bổ dự phòng 40 tỷ đồng	210.000	
						VB 146/UBND-GT ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh		69.970	
3	CAO BANG	130.000	100.000	30.000	2			310.000	200.000
						VB 432/UBND-TH ngày 28/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	310.000	
4	LẠNG SƠN	120.000	80.000	30.000	4			620.000	200.000
						VB 06/TT-UBND ngày 01/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	50.000	
						VB 08/TT-UBND ngày 08/3/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	420.000	
						VB 80/UBND-KTN ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	150.000	
5	LÀO CAI	100.000	100.000		2			500.000	180.000
						VB 464/UBND-TM ngày 07/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	500.000	
6	YÊN BÁI	90.000	90.000		2			360.000	180.000
						VB 201/UBND-XD ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh		360.000	
7	THÁI NGUYÊN	90.000	90.000		6			280.000	180.000
						VB 66/UBND-KTTH ngày 14/1/2013 của UBND tỉnh		90.000	
						VB 137/UBND-TH ngày 22/1/2013 của UBND tỉnh		200.000	
8	BẮC KẠN	100.000	100.000						0
9	PHÚ THO	190.000	190.000	20.000	7			1.300.000	250.000
						VB 130/UBND-TH4 ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	950.000	
						VB 186/UBND-TH4 ngày 16/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	200.000	
						VB 1044/UBND-TH4 ngày 02/4/2013 của UBND tỉnh		150.000	
10	BẮC GIANG	90.000	90.000		4			350.000	180.000
						VB 146/UBND-KT ngày 18/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	250.000	
						VB 399/UBND-XD ngày 25/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	100.000	
11	HÒA BÌNH	100.000	100.000		6			1.550.000	220.000
						VB 511/UBND-CNXD ngày 14/1/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02	560.000	

STT	Tỉnh, thành phố	Số vốn phân bổ đợt I/2013	Trong đó		Số lượng văn bản địa phương đề nghị	Văn bản đề nghị của địa phương gửi về Quyết định	Ghi chú	Số vốn đề nghị của địa phương	Phân bổ vốn theo Nghị quyết 02
			Theo QĐ 48/QĐ-BTC	Phân bổ từ số dự phòng					
1	2	3	4	5		6	7	8	9
						VB 123/UBND-NKTN ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh		1.000.000	
						VB 199/UBND-TCTM ngày 12/3/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	90.000	
12	SƠN LA	45.000	45.000		3	VB 202/UBND-KTTH ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	100.000	100.000
						VB 99/UBND-TH ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	250.000	190.000
13	LAI CHÂU	100.000	100.000		1	VB 165/UBND-TH ngày 18/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	200.000	190.000
14	DIEN BIÊN	55.000	55.000		1	VB 2485/UBND-KH&BT ngày 09/4/2013 của UBND TP		1.256.862	
						VB 1042/UBND-TC ngày 07/2/2013 của UBND TP	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	353.358	
						VB 1686/UBND-TC ngày 20/3/2013 của UBND TP	Đề nghị vay theo NQ02	150.000	
15	ĐÀ SÔNG HỒNG	845.000	545.000	300.000	40	VB 394/UBND-TM2 ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	200.000	
16	HÀ NỘI	0			3	VB 1548/UBND-TM2 ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	105.051	
						VB 1671/UBND-TM2 ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh		250.000	
17	QUẢNG NINH	50.000	50.000		3	VB 155/UBND-VP ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013 (không đăng ký danh mục công trình)	128.200	
						VB 195/UBND-VP ngày 05/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	492.827	
18	HẢI DƯƠNG	0			2	VB 274/UBND-KT1 ngày 28/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	100.498	
						VB 333/UBND-TH ngày 07/3/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013 (trình danh mục dự án và VB 274)	80.000	
19	HƯNG YÊN	115.000	75.000	40.000	3	VB 816/UBND-KT1 ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	500.000	
						VB 145/UBND-KTTH ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	550.000	130.000
20	VĨNH PHÚC	50.000	50.000		2	VB 276/UBND-KTTH ngày 05/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	251.140	
21	BẮC NINH	50.000	50.000		3	VB 09/TTg-UBND ngày 03/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	850.000	250.000
		0	0			VB 08/TTg-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh	VB 21 bao gồm cả danh mục tại VB 08	1.992.000	240.000
22	HÀ NAM	135.000		135.000	5	VB 21/TTg-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh		800.000	
23	NAM ĐỊNH	130.000	100.000	30.000	3	VB 20/UBND-VP4 ngày 10/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	360.000	
						VB số 26/UBND-VP4 ngày 11/01/2013 của UBND	Đề nghị vay theo NQ02	260.000	
24	NINH BÌNH	125.000	80.000	65.000	6				

STT	Tỉnh, thành phố	Số vốn phân bổ đợt 1/2013	Trong đó		Số lượng văn bản địa phương đề nghị	Văn bản đề nghị của địa phương sẽ ghi vào Quyết định	Ghi chú	Số vốn đề nghị của địa phương	Phân bổ vốn theo Nghị quyết 62
			Theo QĐ 45/QĐ-BTC	Phân bổ từ số dự phòng					
1	2	3	4	5		6	7	8	9
						VB số 25/UBND-VPH ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	100.000	
						VB số 65/UBND-VPH ngày 01/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013, PTTg VL Văn Ninh có ý kiến	70.000	
						VB 131/UBND-VPH ngày 12/3/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	60.000	
						VB 175/UBND-VPH ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	20.000	
25	THÁI BÌNH	140.000	110.000	30.000	5			930.000	240.000
						VB số 13/TT-UBND ngày 04/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	700.000	
						VB 43/TT-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	30.000	
						VB 45/TT-UBND ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	200.000	
31	BT BỘ VÀ BH M. TRUNG	1.210.000	1.130.000	80.000	31			7.438.671	2.000.000
34	THANH HÓA	140.000	140.000		3			630.000	280.000
						VB 128/UBND-THKH ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh		850.000	
						VB 298/UBND-THKH ngày 14/01/2013 của UBND tỉnh		830.000	
						VB 2259/UBND-THKH ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh	Thay thế VB 298, 128	930.000	
37	NGHỆ AN	180.000	140.000	40.000	8			1.204.000	250.000
						VB 26/UBND-TM ngày 02/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	529.000	
						VB 173/UBND-TK ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	440.000	
						VB 2117/UBND-TM ngày 10/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	235.000	
38	BÀ RỊNH	90.000	90.000		1			304.049	150.000
						VB 466/UBND-CN ngày 07/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	304.049	
39	QUẢNG BÌNH	90.000	90.000		1			327.000	150.000
						VB 156/UBND-KTTH ngày 05/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	327.000	
40	QUẢNG TRỊ	30.000	30.000		1			434.228	130.000
						VB số 359/TT-UBND ngày 06/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	434.228	
41	TY - HUẾ	115.000	75.000	40.000	2			259.000	130.000
						VB số 266/UBND-TC ngày 18/01/2013 của UBND tỉnh	Không đăng ký danh mục; 48 phần bổ dự phòng 40 tỷ đồng	100.000	
						VB số 667/UBND-TC ngày 19/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	150.000	
42	BÀ NÀNG	40.000	40.000		1			228.000	180.000
						VB 1202/UBND-QLĐT ngày 07/2/2013 của UBND TP	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	228.000	
43	QUẢNG NAM	100.000	100.000		2			500.000	210.000
						VB 5022/UBND-KTTH ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	500.000	
						VB 364/UBND-KTTH ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh	Trùng danh mục dự án tại VB5022	500.000	
44	QUẢNG NGÃI	75.000	75.000		2			2.050.797	550.000
						VB 116/UBND-KTTH ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	900.000	
						VB 520/UBND-KTTH ngày 07/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	1.150.797	
45	BÌNH ĐỊNH	90.000	90.000		2			400.000	130.000
						VB 354/UBND-TH ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013 (không đăng ký danh mục công trình)	150.000	
						VB 496/UBND-TH ngày 07/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	250.000	

STT	Tỉnh, thành phố	Số vốn phân bổ đợt 1/2013	Trong đó		Số lượng văn bản địa phương đề nghị	Văn bản đề nghị của địa phương sẽ ghi vào Quyết định	Ghi chú	Số vốn đề nghị của địa phương	Phân bổ vốn theo Nghị quyết 62
			Theo QĐ 48/QĐ-BTC	Phân bổ từ số dự phòng					
1	2	3	4	5		6	7	8	9
36	PHÚ YÊN	45.000	45.000		1	VB 453/UBND-KT ngày 08/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	40.000	40.000
37	KHÁNH HÒA	50.000	50.000		3	VB 583/UBND-ĐT ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo HQ02	40.000	
						VB 717/UBND-KT ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	342.682	100.000
						VB 734/UBND-KT ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	153.000	
								43.579	
38	NINH THUẬN	90.000	90.000		3	VB 612/UBND-TH ngày 07/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	146.113	
						VB 405/UBND-TH ngày 25/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	289.800	136.000
						VB 1324/UBND-TH ngày 01/4/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	30.000	
								150.000	
39	BÌNH THUẬN	75.000	75.000		1	VB 521/UBND-ĐTQH ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	100.000	
								150.000	120.000
IV	TÂY NGUYÊN	385.000	295.000	90.000	9			1.320.680	485.000
40	ĐẮK LẮK	100.000	100.000		2	VB 1329/UBND-TH ngày 04/3/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	829.314	150.000
						VB 2147/UBND-TCTM ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh		429.314	
41	ĐẮK NÔNG	90.000		90.000	2	VB số 21/UBND-KTTC ngày 04/01/2013 của UBND tỉnh	Đã đưa phân bổ dự phòng 90 tỷ đồng	200.000	
						VB số 606/UBND-KTTC ngày 07/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	492.366	150.000
								252.398	
42	GIA LẠI	90.000	90.000					0	0
43	KON TUM	15.000	15.000		1	VB số 282/UBND-KTTH ngày 08/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	39.000	35.000
44	LÂM ĐỒNG	90.000	90.000		4	VB 281/UBND-KH ngày 15/1/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	250.000	150.000
						VB 908/UBND ngày 22/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02	150.000	
								100.000	
V	ĐÔNG NAM BỘ	390.000	196.000	0				1.384.401	410.000
45	TP. HỒ CHÍ MINH	0						0	0
46	ĐỒNG NAI	40.000	40.000		1	VB số 1268/UBND-KT ngày 18/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	91.810	70.000
								91.810	
47	BÌNH DƯƠNG	0						0	0
48	BÌNH PHƯỚC	75.000	75.000		1	VB số 442/UBND-KTTH ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	896.380	150.000
								805.380	
49	TÂY NINH	75.000	75.000		1	VB 269/UBND-KTN ngày 08/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay HQ02 theo VB BTC	296.211	120.000
								206.211	
50	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	0			2	VB 740/UBND-VP ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	190.000	70.000
								100.000	
VI	ĐÔNG CỬU LONG	940.000	940.000	0	39			8.899.729	1.610.000

STT	Tỉnh, thành phố	Số vốn phân bổ đợt 1/2013	Trong đó		Số hạng văn bản địa phương đề nghị	Văn bản đề nghị của địa phương sẽ ghi vào Quyết định	Ghi chú	Số vốn đề nghị của địa phương	Phần bổ vốn theo Nghị quyết 02
			Theo QĐ 48/QĐ-BTC	Phần bổ từ dự phòng					
1	2	3	4	5		6	7	8	9
51	LONG AN	75.000	75.000		3	VB 101/UBND-KT ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	200.000	120.000
52	TUYÊN GIANG	75.000	75.000		2	VB 29/UBND-CN ngày 04/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	317.000	120.000
						VB 585/UBND-CN ngày 06/2/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	150.000	
53	BẾN TRE	75.000	75.000		3	VB 6093/TTg-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	455.000	120.000
						VB 480/TTg-UBND ngày 29/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	150.000	
						VB 761/TTg-UBND ngày 25/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	100.000	
54	TRÀ VINH	75.000	75.000		5	VB 18/BC-UBND ngày 08/03/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC vào 4 VB trên	205.000	120.000
55	VĨNH LONG	75.000	75.000		3	VB số 09/UBND-KTTH ngày 03/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	1.420.000	120.000
						VB số 367/UBND-KTTH ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC vào VB 09	300.000	
						VB số 758/UBND-KTTH ngày 26/3/2013 của UBND tỉnh	Bổ sung cụ thể danh mục dự án tại VB 09		
56	CẦN THƠ	40.000	40.000		2	VB 690/UBND-KĐĐT ngày 19/02/2013 của UBND TP	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	1.026.199	100.000
						VB 978/UBND-KĐĐT ngày 06/3/2013 của UBND TP	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	160.999	
57	HẬU GIANG	90.000	90.000		4	VB 09/UBND-KTTH ngày 03/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	866.000	150.000
						VB 56/UBND-TH ngày 10/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	867.990	
						VB 187/UBND-KTTH ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC vào VB 09	867.990	
						VB 504/UBND-KTTH ngày 04/04/2013 của UBND tỉnh	Bổ sung QĐ đầu tư 03 dự án tại VB 09		
58	Sóc Trăng	65.000	65.000		1	VB 152/CTUBND-HC ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	410.000	140.000
						VB 59/UBND-ĐTXD ngày 17/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay theo NQ02	410.000	
59	AN GIANG	75.000	75.000		5	VB số 134/UBND-ĐTXD ngày 08/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC	1.080.000	140.000
						VB số 313/UBND-ĐTXD ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh	Bổ sung danh mục tại VB 104	500.000	
60	ĐỒNG THÁP	75.000	75.000		3	VB 655/UBND-KTN ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013 (không đăng ký danh mục công trình)	580.000	120.000
						VB 68/UBND-KTN ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC vào VB 655	200.000	
						VB 128/UBND-KTN ngày 22/3/2013 của UBND tỉnh	Bổ sung danh mục VB 655, 68		
61	KIÊN GIANG	70.000	70.000		5	VB số 43/UBND-KTTH ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay 2013	365.000	120.000
						VB số 102/UBND-KTTH ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh	Đề nghị vay NQ02 theo VB BTC vào VB 43	365.000	
						VB 132/UBND-KTTH ngày 02/04/2013 của UBND tỉnh	Bổ sung QĐ đầu tư 03 dự án tại VB 43		
62	BẮC LIÊU	75.000	75.000		3			1.350.000	120.000

[illegible]